

Số/No.: 039.04.../CBTT

TPHCM, ngày 15 tháng 04 năm 2025
HCMC, April 15... 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
STATE SECURITIES COMMISSION OF VN
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TPHCM
HO CHI MINH CITY STOCK EXCHANGE

1. Tên tổ chức / *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TPHCM / *Foreign Trade Development & Investment Corporation of HCMC*

- Mã chứng khoán / *Security code*: FDC

- Địa chỉ / *Address*: 28 PHÙNG KHẮC KHOAN, PHƯỜNG ĐA KAO, QUẬN 1, TPHCM, VIỆT NAM

- Điện thoại liên hệ / *Tel*: 028 3822 1043

Fax: 028 3822 5241

- E-mail: fideco@fidecovn.com

2. Nội dung thông tin công bố / *Contents of disclosure*:

Báo cáo tài chính Q1 năm 2025.

Financial Statement for the first quarter of 2025.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 15 tháng 04 năm 2025 tại đường dẫn <https://fideco.com.vn/vi/>. Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

This information was published on our website on April 15, 2025, via <https://fideco.com.vn/vi/>. We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm /

Attachment

- Các tài liệu liên quan đến
nội dung thông tin công bố
/Relevant documents

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện pháp luật

Legal representative

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Sign & Seal)





CTY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ
TP. HỒ CHÍ MINH (FIDECO)

28 PHÙNG KHẮC KHOAN, P. ĐAKAO, QUẬN 1, HCM

ĐT: 028 3822 1043 - 3823 0562 • FAX: 028 3822 5241

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 1 NĂM 2025





CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP.HỒ
CHÍ MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2025

CHO KỲ BÁO CÁO KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2025

CHO KỲ BÁO CÁO KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2025

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin chung về công ty	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	2
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)	6
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	7 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ Phần Ngoại Thương và Phát Triển Đầu Tư TP.Hồ Chí Minh là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 059081 do Trọng tài kinh tế TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1993.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300590663, thay đổi lần thứ 41 ngày 15 tháng 04 năm 2024, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo như sau:

Bà Nguyễn Thị Mai Anh	Chủ tịch
Ông Vũ Thiện Chương	Thành viên
Ông Lê Thái Thành	Thành viên
Ông Hồ Anh Tuấn	Thành viên
Ông Trần Ngọc Đạt	Thành viên

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán ("UBKT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Vũ Thiện Chương	Chủ tịch
Ông Lê Thái Thành	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Hồ Anh Tuấn	Tổng Giám Đốc
Ông Hà Hữu Ước	Phó Tổng Giám Đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Hồ Anh Tuấn	Tổng Giám Đốc
-----------------	---------------

TRỤ SỞ CÔNG TY 28 Phùng Khắc Khoan, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2025

Ban Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính Quý 1 năm 2025 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2025. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám Đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm bảo đảm việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám Đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những sai phạm khác.

Ban Tổng Giám Đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám Đốc, báo cáo tài chính kèm theo từ trang 3 đến trang 26 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám Đốc:



Hồ Anh Tuấn

Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 04 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**ĐVT: VNĐ**

Mã số TÀI SẢN	T.Minh	Tại ngày	
		31.03.2025	01.01.2025
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		64,633,977,045	104,078,112,874
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	37,296,327,217	35,590,809,394
111 1. Tiền		7,296,327,217	16,590,809,394
112 2. Các khoản tương đương tiền		30,000,000,000	19,000,000,000
120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		12,000,000,000	20,000,000,000
123 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	12,000,000,000	20,000,000,000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		10,573,697,753	37,870,197,272
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	199,583,491,012	199,421,450,814
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	9,504,000	122,886,460
136 6. Phải thu ngắn hạn khác	8(a)	10,230,702,741	37,575,859,998
137 7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	9	(199,250,000,000)	(199,250,000,000)
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		4,763,952,075	10,617,106,208
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	221,795,758	252,702,330
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		3,595,794,175	9,418,041,736
153 3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	14(a)	946,362,142	946,362,142
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		822,715,670,459	716,922,159,098
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		387,392,294,000	280,005,000,000
216 6. Phải thu dài hạn khác	8(b)	387,392,294,000	280,005,000,000
220 II. Tài sản cố định	11(a)	357,840,088	214,950,017
221 1. Tài sản cố định hữu hình		357,840,088	214,950,017
222 - Nguyên giá		1,900,341,294	1,744,076,374
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1,542,501,206)	(1,529,126,357)
227 3. Tài sản cố định vô hình	11(b)	-	-
228 - Nguyên giá		278,572,525	278,572,525
229 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(278,572,525)	(278,572,525)
230 III. Bất động sản đầu tư	12	159,798,711,181	160,966,065,731
231 - Nguyên giá		177,247,658,290	176,747,658,290
232 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(17,448,947,109)	(15,781,592,559)
240 IV. Tài sản dở dang dài hạn		266,076,616,685	266,076,616,685
241 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	13	266,076,616,685	266,076,616,685
260 VI. Tài sản dài hạn khác		9,090,208,505	9,659,526,665
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	10	9,073,610,405	9,642,928,565
262 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		16,598,100	16,598,100
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		887,349,647,504	821,000,271,972

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 26 là một phần hợp thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tiếp theo)

ĐVT: VNĐ

		Tại ngày	
Mã số	NGUỒN VỐN	T.Minh	
		31.03.2025	01.01.2025
300	A . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	425,638,307,265	370,257,366,520
310	I. Nợ ngắn hạn	54,443,700,406	59,482,753,230
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	331,436,329
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14(b)	13,885,656
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1,364,312,892
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17(a)	48,678,020,136
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	18(a)	2,605,216,873
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	-
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	1,450,828,520
330	II. Nợ dài hạn	371,194,606,859	310,774,613,290
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17(b)	99,419,993,568
337	7. Phải trả dài hạn khác	18(b)	147,652,119,860
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	53,000,000,001
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn	20	71,122,493,430
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	461,711,340,239	450,742,905,452
410	I. Vốn chủ sở hữu	461,711,340,239	450,742,905,452
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	23	386,299,880,000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	23	386,299,880,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	23	251,697,570,000
415	4. Cổ phiếu quỹ		(90,621,050)
421	11. Lợi nhuận chưa phân phối	(176,195,488,711)	(187,163,923,498)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	(187,163,923,498)	(192,225,970,981)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	10,968,434,787	5,062,047,483
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	887,349,647,504	821,000,271,972

Mai Thị Hòa
Người lập

Phạm Thị Oanh
Kế toán trưởng

Hồ Anh Tuấn
Tổng Giám Đốc
Ngày 15 tháng 04 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 26 là một phần hợp thành báo cáo tài chính này.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã Số	Chỉ tiêu	T. M	Quý báo cáo		Kỳ báo cáo kết thúc ngày	
			Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024	31.03.2025	31.03.2024
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	24	18,583,314,049	4,866,809,629	18,583,314,049	4,866,809,629
10	2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	24	18,583,314,049	4,866,809,629	18,583,314,049	4,866,809,629
11	3. Giá vốn cung cấp dịch vụ	25	4,468,999,651	1,659,331,115	4,468,999,651	1,659,331,115
20	4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		14,114,314,398	3,207,478,514	14,114,314,398	3,207,478,514
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	26	494,106,697	3,866,481	494,106,697	3,866,481
22	6. Chi phí tài chính	27	1,415,600,410	-	1,415,600,410	-
23	+ Trong đó: chi phí lãi vay		1,415,600,410	-	1,415,600,410	-
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	2,224,106,899	2,846,209,392	2,224,106,899	2,846,209,392
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10,968,713,786	365,135,603	10,968,713,786	365,135,603
31	9. Thu nhập khác	29	-	-	-	-
32	10. Chi phí khác	29	278,999	-	278,999	-
40	11. Lợi nhuận khác		(278,999)	-	(278,999)	-
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10,968,434,787	365,135,603	10,968,434,787	365,135,603
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	-	-	-	-
52	14. Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	30	-	-	-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		10,968,434,787	365,135,603	10,968,434,787	365,135,603
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		284	9	284	9


Mai Thị Hòa
Người lập


Phạm Thị Oanh
Kế toán trưởng


Hồ Anh Tuấn
Tổng Giám Đốc
Ngày 15 tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

MS	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm	
		2025 VND	2024 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	10,968,434,787	365,135,603
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	1,680,729,399	54,145,467
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(494,106,697)	(3,866,481)
06	- Chi phí lãi vay	1,415,600,410	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	13,570,657,899	415,414,589
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	(63,498,749,661)	(70,331,337,270)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	114,658,401,258	2,669,588,351
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	600,224,732	281,487,789
14	- Tiền lãi vay đã trả	(4,174,509,337)	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(131,848,700)	(296,019,600)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	61,024,176,191	(67,260,866,141)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	(1,381,037,607)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(30,000,000,000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	27,000,000,000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	263,902,456	3,866,481
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(2,736,097,544)	(1,377,171,126)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	-	57,468,420,991
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(56,582,560,824)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(56,582,560,824)	57,468,420,991
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	1,705,517,823	(11,169,616,276)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	35,590,809,394	12,098,716,525
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	37,296,327,217	929,100,249



Mai Thị Hòa
Người lập



Phạm Thị Oanh
Kế toán trưởng



Hồ Anh Tuấn
Tổng Giám Đốc

Ngày 15 tháng 04 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO KỲ BÁO CÁO KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2025

1 THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư TP. Hồ Chí Minh (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 059081 do Trọng tài kinh tế TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1993. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được sửa đổi nhiều lần và sau đó được thay thế bởi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần và các Giấy Chứng nhận thay đổi số 0300590663 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là FDC theo Quyết định chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 176/QĐ-SGDHCM ngày 25/12/2009 của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty là cho thuê văn phòng và kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất và kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty có 27 nhân viên (2024: 28 nhân viên).

2 CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Báo cáo tài chính này được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Kỳ báo cáo này bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 03 năm 2025.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là tiền Đồng Việt Nam (“đồng” hoặc “VND”).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO KỲ BÁO CÁO KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2025

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

3.2 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

3.3 Các khoản đầu tư

(a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán và các công cụ tài chính khác do Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh và được nắm giữ chủ yếu cho mục đích mua bán để kiếm lời trong ngắn hạn.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**CHO KỲ BÁO CÁO KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2025**

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

(c) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám Đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao và hao mòn

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO KỲ BÁO CÁO KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2025

Khấu hao

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư từ 15 đến 25 năm.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Tồn thất bất động sản đầu tư chờ tăng giá được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy. Tồn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn bao gồm chi phí của các dự án bất động sản được mua hoặc đang xây dựng để bán. Các dự án này được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc giải phóng mặt bằng, đền bù giải tỏa và xây dựng bao gồm cả chi phí đi vay.

Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành dự án dân cư và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

3.7 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

3.9 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

· Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.

· Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO KỲ BÁO CÁO KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2025

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.11 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.12 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

3.13 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO KỲ BÁO CÁO KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2025**

3.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trong trường hợp giá công bố tại ngày phát hành không đáng tin cậy khi công cụ vốn đó được giao dịch trên thị trường có ít giao dịch thì giá trị hợp lý của các công cụ vốn này có thể được xem xét và xác định trên cơ sở có bằng chứng rõ ràng hơn.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế): phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo.

3.15 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty phân chia lợi nhuận thuần như sau:

(a) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính không còn được sử dụng. Số dư còn lại của quỹ này được chuyển sang quỹ đầu tư phát triển.

(b) Quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

(c) Chia cổ tức

Cổ tức được chia cho cổ đông của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

3.16 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê, ngoại trừ các khoản thu nhập cho thuê bất thường được ghi nhận khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO KỲ BÁO CÁO KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2025

(b) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho khách hàng phần lớn những rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản đã được chuyển giao cho người mua.

(c) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(d) Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

(e) Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia từ các đơn vị đầu tư.

3.17 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

3.18 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ và lỗ tỷ giá hối đoái.

3.19 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác

Chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO KỲ BÁO CÁO KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2025

3.20 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

3.21 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc Công ty, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO KỲ BÁO CÁO KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2025

3.22 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.



4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.03.2025	01.01.2025
	VND	VND
Tiền mặt	248,106,668	139,651,499
Tiền gửi ngân hàng	7,048,220,549	16,451,157,895
Các khoản tương đương tiền (*)	30,000,000,000	19,000,000,000
Tổng cộng	37,296,327,217	35,590,809,394

(*) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31.03.2025	01.01.2025
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	12,000,000,000	20,000,000,000
Tổng cộng	12,000,000,000	20,000,000,000

Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại.

6 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31.03.2025	01.01.2025
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Dệt May Liên Phương (*)	199,250,000,000	199,250,000,000
Phải thu khách hàng khác	333,491,012	171,450,814
TỔNG CỘNG	199,583,491,012	199,421,450,814
Dự phòng phải thu khó đòi	(199,250,000,000)	(199,250,000,000)
	333,491,012	171,450,814

(*) Đây là khoản phải thu còn lại phát sinh từ việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần sở hữu tại Công ty TNHH Phúc Thịnh Đức theo Hợp đồng số 11305/2019/HĐCNVG vào ngày 31 tháng 05 năm 2019. Cho đến hiện nay Công ty vẫn tiếp tục làm việc với đối tác nhằm thu hồi khoản phải thu nêu trên.

7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.03.2025	01.01.2025
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Giải Pháp Tự Động Hóa Etek	-	78,132,460
Trả trước cho các bên khác	9,504,000	44,754,000
TỔNG CỘNG	9,504,000	122,886,460

8 PHẢI THU KHÁC

	31.03.2025	01.01.2025
	VND	VND
(a) Phải thu ngắn hạn khác		
Tạm ứng cho nhân viên	10,000,000,000	37,400,000,000
Lãi tiền gửi dự thu	230,202,741	171,999,998
Ký quỹ, ký cược	500,000	500,000
Các khoản khác	-	3,360,000
TỔNG CỘNG	10,230,702,741	37,575,859,998

(b) Phải thu dài hạn khác

Công ty Cổ Phần Hưng Vượng Bến Lức (*)	280,000,000,000	280,000,000,000
Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng Đô Thị Tân Thái Bình Dương (**)	107,387,294,000	-
Ký quỹ, ký cược	5,000,000	5,000,000
TỔNG CỘNG	387,392,294,000	280,005,000,000
TỔNG CỘNG PHẢI THU KHÁC	397,622,996,741	317,580,859,998

(*) Đây là khoản vốn góp của Công ty theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số: 08603/HĐ/FDC-HV ký kết ngày 29/03/2022 giữa Công ty và Công ty Cổ Phần Hưng Vượng Bến Lức nhằm phát triển, kinh doanh dự án trên khu đất tại xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Theo Phụ lục 01, ký ngày 10/04/2023 thời gian hoàn thành thủ tục pháp lý dự án, quy hoạch, pháp lý về xây dựng đã được gia hạn chậm nhất đến ngày 30/06/2025 và thời gian thực hiện hợp đồng chậm nhất đến ngày 31/12/2026.

(**) Đây là khoản vốn góp của Công ty theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số: 00106/HĐHT/TTTB-FDC ký kết ngày 20/01/2025 giữa Công ty và Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng Đô Thị Tân Thái Bình Dương hợp tác thực hiện dự án bất động sản tại tỉnh Quảng Ngãi.

9 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	31.03.2025		01.01.2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ Phần Dệt May Liên Phương	199,250,000,000	(199,250,000,000)	199,250,000,000	(199,250,000,000)
	199,250,000,000	(199,250,000,000)	199,250,000,000	(199,250,000,000)

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31.03.2025 VND	01.01.2025 VND
Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	58,638,252	83,193,281
Chi phí sửa chữa	71,668,709	97,952,362
Chi phí trả trước khác	91,488,797	71,556,687
TỔNG CỘNG	221,795,758	252,702,330
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	102,127,417	116,322,334
Chi phí sửa chữa	8,894,159,979	9,442,660,231
Chi phí trả trước khác	77,323,009	83,946,000
TỔNG CỘNG	9,073,610,405	9,642,928,565

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư 01.01.2025	783,302,425	960,773,949		1,744,076,374
- Mua trong năm		156,264,920		156,264,920
- Thanh lý, nhượng bán		-		-
Số dư 31.03.2025	783,302,425	1,117,038,869	-	1,900,341,294
Giá trị hao mòn lũy kế				-
Số dư 01.01.2025	783,302,425	745,823,932	-	1,529,126,357
- Khấu hao trong năm		13,374,849		13,374,849
- Tăng khác				-
- Thanh lý, nhượng bán		-	-	-
Số dư 31.03.2025	783,302,425	759,198,781	-	1,542,501,206
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình				
- Tại ngày 01.01.2025	-	214,950,017	-	214,950,017
- Tại ngày 31.03.2025	-	357,840,088	-	357,840,088

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình chủ yếu là thiết bị dụng cụ quản lý.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng bao gồm máy móc thiết bị là 1.476.579.374VNĐ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.476.579.374 VNĐ).

(b) Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính.

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư 01.01.2025		278,572,525		278,572,525
- Mua trong năm			-	-
- Tăng khác				-
Số dư 31.03.2025	-	278,572,525	-	278,572,525
Giá trị hao mòn lũy kế				-
Số dư 01.01.2025		278,572,525		278,572,525
- Khấu hao trong năm		-		-
- Tăng khác				-
Số dư 31.03.2025	-	278,572,525	-	278,572,525
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình				
- Tại ngày 01.01.2025	-	-	-	-
- Tại ngày 31.03.2025	-	-	-	-

12 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

Văn phòng cho thuê
VND

Nguyên giá	
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	176,747,658,290
Tăng trong kỳ	500,000,000
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025	177,247,658,290
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	15,781,592,559
Khấu hao trong năm 2025	1,667,354,550
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025	17,448,947,109
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	160,966,065,731
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025	159,798,711,181

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 là 10.521.676.572 VNĐ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 10.521.676.572 VNĐ).

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 : VND

STT	Tên Bất động sản đầu tư	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Tòa nhà thuộc khu đất tại số 55 Mạc Đĩnh Chi, vị trí tiếp giáp với trụ sở Công ty tại số 28 Phùng Khắc Khoan, TP.HCM	10,521,676,572	10,521,676,572	-
2	Chung cư Fideco Riverview	5,105,446,885	3,165,377,023	1,940,069,862
3	Tòa nhà văn phòng Fideco	161,620,534,833	3,761,893,514	157,858,641,319

Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư: VND

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31.03.2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31.03.2024
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	18,583,314,049	4,866,809,629
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo ra thu nhập cho thuê trong kỳ	4,468,999,651	1,659,331,115

13 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỜ DANG DÀI HẠN

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án như sau:

	31.03.2025	01.01.2025
	VND	VND
Dự án khu dân cư Cần Giờ (*)	159,270,787,526	159,270,787,526
Dự án khu dân cư Bình Trưng Đông (**)	106,805,829,159	106,805,829,159
TỔNG CỘNG	266,076,616,685	266,076,616,685

- (*) Đây là các chi phí của Dự án xây dựng khu dân cư 29,8 ha tại Huyện Cần Giờ, TP.Hồ Chí Minh do Công ty làm chủ đầu tư.
- (**) Đây là các chi phí của Dự án xây dựng khu dân cư trên 136,9 ha đất Bình Trưng Đông, Quận 2, TP.Hồ Chí Minh do Công ty cùng với 14 đơn vị tham gia để thực hiện và khai thác.

Cho đến hiện nay, Công ty vẫn đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết để tiếp tục triển khai thực hiện các dự án này.

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/ PHẢI NỢ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**(a) Phải thu****VND**

	Tại ngày 01.01.2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại ngày 31.03.2025
Thuế thu nhập doanh nghiệp	946,362,142	-	-	946,362,142
TỔNG CỘNG	946,362,142	-	-	946,362,142

(b) Phải nộp

Thuế thu nhập cá nhân	27,968,956	131,956,062	147,383,557	12,541,461
Thuế giá trị gia tăng		7,582,063,103	7,580,718,908	1,344,195
Các loại thuế, phí khác	-	506,139,000	506,139,000	-
TỔNG CỘNG	27,968,956	8,220,158,165	8,234,241,465	13,885,656

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**31.03.2025****01.01.2025****VND****VND**

Lương tháng 13	-	481,121,000
Lãi vay phải trả	1,364,312,892	4,123,221,819
Chi phí trích trước khác	-	70,000,000
TỔNG CỘNG	1,364,312,892	4,674,342,819

16 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**31.03.2025****01.01.2025****VND****VND**

Công ty Cổ Phần Xây Dựng Citycons	10,283,850	1,753,649,228
Công ty Cổ Phần Giải Pháp Tự Động Hóa Etek	92,783,952	-
Phải trả người bán khác	228,368,527	164,866,189
TỔNG CỘNG	331,436,329	1,918,515,417

17 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**31.03.2025****01.01.2025****VND****VND****(a) Ngắn hạn**

Doanh thu nhận trước từ hoạt động cho thuê	48,678,020,136	31,076,044,560
TỔNG CỘNG	48,678,020,136	31,076,044,560

(b) Dài hạn

Doanh thu nhận trước từ hoạt động cho thuê	99,419,993,568	-
TỔNG CỘNG	99,419,993,568	-

18 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**(a) Phải trả ngắn hạn khác****31.03.2025****01.01.2025****VND****VND**

Nhận ký quỹ, ký cược	1,887,330,740	1,887,330,740
Cổ tức phải trả	678,224,173	678,224,173
Kinh phí công đoàn	20,046,560	35,473,120
Các khoản phải trả khác	19,615,400	19,615,400
TỔNG CỘNG	2,605,216,873	2,620,643,433

(b) Phải trả dài hạn khác

	31.03.2025	01.01.2025
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	25,603,853,520	25,603,853,520
Tiền đặt cọc của khách hàng mua dự án KDC Bình Trung Đông	55,723,147,276	55,723,147,276
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn	66,325,119,064	66,325,119,064
TỔNG CỘNG	147,652,119,860	147,652,119,860

19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
a, Vay dài hạn đến hạn trả	17,582,560,825	-	17,582,560,825	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam- CN Thủ Đức	17,582,560,825	-	17,582,560,825	-
b, Vay dài hạn	92,000,000,000	-	38,999,999,999	53,000,000,001
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam- CN Thủ Đức	92,000,000,000	-	38,999,999,999	53,000,000,001
TỔNG CỘNG	109,582,560,825	-	56,582,560,824	53,000,000,001

Công ty thực hiện khoản vay ngân hàng nhằm bổ sung vốn xây dựng dự án Tòa nhà văn phòng Fideco. Chi tiết khoản vay như sau:

Ngân hàng	Hạn mức vay (VNĐ)	Thời hạn vay	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam- Chi nhánh Thủ Đức	115,000,000,000	84 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu	Theo từng khế ước nhận nợ	- Công trình văn phòng gắn liền với Quyền sử dụng đất tại số 28 Phùng Khắc Khoan, P.Đakao, Quận 1, TP.HCM thuộc sở hữu của Công ty CP Ngoại Thương và Phát Triển Đầu Tư TP.HCM - Toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ dự án.

20 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Dự phòng phải trả dài hạn

	31.03.2025	01.01.2025
	VND	VND
Tiền lãi phải trả ước tính cho khách hàng đặt cọc mua dự án KDC Bình Trung Đông	71,039,502,930	71,039,502,930
Dự phòng trợ cấp thôi việc	82,990,500	82,990,500
TỔNG CỘNG	71,122,493,430	71,122,493,430

21 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31.03.2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31.03.2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	1,582,677,220	3,559,144,566
Giảm trong năm	(131,848,700)	(296,019,600)
Số dư cuối năm	1,450,828,520	3,263,124,966

22 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	31.03.2025	01.01.2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký, phát hành và đang lưu hành	38,623,488	38,623,488

(b) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vốn cổ phần đã phát hành	386,299,880,000	386,299,880,000
Số cổ phiếu đã phát hành:		
Cổ phiếu phổ thông	38,629,988	38,629,988
Cổ phiếu quỹ	(6,500)	(6,500)
Số cổ phiếu đang lưu hành:		
Cổ phiếu phổ thông	38,623,488	38,623,488

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 41 ngày 15 tháng 04 năm 2024 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 386.299.880.000 đồng, tương đương 38.629.988 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VNĐ

23 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm trước	386,299,880,000	251,697,570,000	(192,225,970,981)	445,771,479,019
Lợi nhuận trong năm			5,062,047,483	5,062,047,483
Cổ phiếu quỹ				(90,621,050)
Số cuối năm trước	386,299,880,000	251,697,570,000	(187,163,923,498)	450,742,905,452
Lợi nhuận trong năm	-	-	10,968,434,787	10,968,434,787
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025	386,299,880,000	251,697,570,000	(176,195,488,711)	461,711,340,239

24 DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	01.01.2025- 31.03.2025 VND	01.01.2024- 31.03.2024 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18,583,314,049	4,866,809,629
Tổng cộng	18,583,314,049	4,866,809,629

25 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	01.01.2025- 31.03.2025 VND	01.01.2024- 31.03.2024 VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	4,468,999,651	1,659,331,115
Tổng cộng	4,468,999,651	1,659,331,115

26 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	01.01.2025- 31.03.2025 VND	01.01.2024- 31.03.2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	494,106,697	3,866,481
Tổng cộng	494,106,697	3,866,481

27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	01.01.2025- 31.03.2025 VND	01.01.2024- 31.03.2024 VND
Chi phí lãi vay	1,415,600,410	-
Tổng cộng	1,415,600,410	-

28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	01.01.2025- 31.03.2025 VND	01.01.2024- 31.03.2024 VND
Chi phí lương nhân viên	1,353,415,050	2,422,269,556
Chi phí đồ dùng văn phòng	55,848,129	50,989,195
Chi phí khấu hao và hao mòn	3,090,999	3,090,999
Thuế, phí và lệ phí	6,139,000	3,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	306,399,275	226,150,459
Chi phí bằng tiền khác	499,214,446	140,709,183
Tổng cộng	2,224,106,899	2,846,209,392

29 THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	01.01.2025- 31.03.2025 VND	01.01.2024- 31.03.2024 VND
Thu nhập khác	-	-
Chi phí khác	278,999	-
Lợi nhuận khác thuần	(278,999)	-

30 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("Thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí Thuế TNDN**VND**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31.03.2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31.03.2024
Chi phí Thuế TNDN hiện hành/ hoãn lại	-	-
Tổng cộng	-	-

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí Thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất Thuế TNDN:

	01.01.2025- 31.03.2025 VND	01.01.2024- 31.03.2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	10,968,434,787	365,135,603
Các khoản điều chỉnh :		
Chi phí không được khấu trừ	345,281,246	253,076,041
Thu nhập chịu thuế	11,313,716,033	618,211,644
Chuyển lỗ	(11,313,716,033)	(618,211,644)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	-	-

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập (lỗ) chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập (lỗ) chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận (lỗ) được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán này.

30.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán	
	31.03.2025	31.12.2024
Dự phòng trợ cấp thôi việc	16,598,100	16,598,100
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	16,598,100	16,598,100

31 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	01.01.2025- 31.03.2025 VND	01.01.2024- 31.03.2024 VND
Chi phí nhân viên	2,201,480,116	2,569,676,536
Chi phí nguyên liệu vật liệu, công cụ dụng cụ	111,176,563	69,815,970
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,200,506,026	1,671,193,351
Chi phí khấu hao	1,680,729,399	54,145,467
Chi phí khác	499,214,446	140,709,183
Tổng cộng	6,693,106,550	4,505,540,507

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**(a) Danh sách các bên liên quan trong kỳ và tại ngày lập báo cáo như sau:**

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Bà Nguyễn Thị Mai Anh	Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Thiện Chương	Thành viên HĐQT
Ông Lê Thái Thành	Thành viên HĐQT
Ông Hồ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT Tổng Giám Đốc
Ông Trần Ngọc Đạt	Thành viên HĐQT
Ông Hà Hữu Ước	Phó Tổng Giám Đốc
Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Hikari Việt Nam	Doanh nghiệp mà Ông Vũ Thiện Chương- Thành viên HĐQT, là Giám Đốc
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Dịch Vụ Và Thương Mại ATP	Doanh nghiệp mà Ông Hồ Anh Tuấn- Thành Viên HĐQT, là Tổng Giám Đốc
Công ty TNHH Kangsung Vina	Doanh nghiệp mà Ông Hồ Anh Tuấn- Thành Viên HĐQT, là Thành viên HĐQT
Công ty CP Quản Lý và Phát Triển Bất Động Sản Thái Nam	Doanh nghiệp mà Ông Lê Thái Thành- Thành Viên HĐQT, là Chủ Tịch HĐQT
Công ty CP Tập Đoàn ASI	Doanh nghiệp mà Ông Lê Thái Thành- Thành Viên HĐQT, là Thành Viên HĐQT
Công ty TNHH Đầu Tư và Phát Triển BĐS Kim Nhật Thành	Doanh nghiệp mà Ông Lê Thái Thành- Thành Viên HĐQT, là Thành Viên HĐQT
Công ty CP Thang Máy Thái Nam	Doanh nghiệp mà Ông Lê Thái Thành- Thành Viên HĐQT, là Chủ Tịch HĐQT
Công ty TNHH Đầu Tư và DVTM Minh Anh	Doanh nghiệp mà Bà Nguyễn Thị Mai Anh- Chủ tịch HĐQT, là Giám Đốc
Công ty Cổ Phần Sideros River	Doanh nghiệp mà Bà Nguyễn Thị Mai Anh- Chủ tịch HĐQT, là Tổng Giám Đốc
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Cổ đông lớn

(b) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội Đồng Quản Trị ("HĐQT"), Ủy Ban Kiểm Toán ("UBKT") và Ban Tổng Giám Đốc trong kỳ như sau:

VND

Tên	Chức vụ	01.01-> 31.03.2025	01.01-> 31.03.2024
Ông Vũ Thiện Chương	Thành viên HĐQT	-	66,666,666
Ông Hồ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	268,888,889	-
Bà Nguyễn Thị Mai Anh	Thành viên HĐQT	60,000,000	-
Ông Trần Ngọc Đạt	Thành viên HĐQT	45,000,000	-
Ông Hà Hữu Ước	Phó Tổng Giám Đốc	242,344,000	248,344,000
TỔNG CỘNG		616,232,889	315,010,666

33 CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	13,157,800,000	13,157,800,000
Ngoại tệ các loại:		
- Đô La Mỹ (USD)	1,183.78	1,193.62

34 BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cho thuê và kinh doanh bất động sản. Công ty trình bày doanh thu và giá vốn theo lĩnh vực kinh doanh trong Thuyết minh 24 và Thuyết minh 25.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chủ yếu hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam, do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo tài chính đã được Tổng Giám Đốc phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 04 năm 2025.



Mai Thị Hòa
Người lập



Phạm Thị Oanh
Kế toán trưởng



Hồ Anh Tuấn
Tổng Giám Đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG & PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP.HỒ CHÍ MINH

FOREIGN TRADE DEVELOPMENT & INVESTMENT CORPORATION OF HOCHIMINH CITY

28 Phùng Khắc Khoan, P.ĐaKao, Quận 1, TP.HCM - Tel. (84-28) 38221043 – 38221044 – 38221045

Email: fideco@fideco.com.vn

Website: http://www.fideco.com.vn

Số/No. : 03/2025/CVGT

TP.HCM, ngày 15 tháng 04 năm 2025

Ho Chi Minh City, 15 April, 2025

Kính gửi/To: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
State Securities Commission of Vietnam
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP Hồ Chí Minh
Ho Chi Minh City Stock Exchange

Tên tổ chức: Công ty CP Ngoại Thương và Phát triển Đầu tư TP.HCM (“Công ty Cổ Phần Fideco”)

Name of organization: Foreign Trade Development and Investment Corporation of Ho Chi Minh City (“Fideco Joint Stock Company”)

Trụ sở chính : 28 Phùng Khắc Khoan, P. Đa Kao, Quận 1, TP.HCM

Head office : No.28 Phung Khac Khoan, Da Kao Ward, District 1, Ho Chi Minh City

Điện thoại : 028 3822 1043 Fax: 028 3822 5241

Tel : 028 3822 1043 Fax: 028 3822 5241

Mã chứng khoán : FDC

Securities code : FDC

Căn cứ vào:

Pursuant to:

- Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020;

Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020;

- Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2025 công ty lập ngày 15/04/2025.

Financial Statements for the 1st quarter of 2025 prepared on April 15, 2025.

Công ty giải trình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) của kỳ báo cáo năm nay có sự chênh lệch hơn 10% so với kỳ báo cáo năm trước như sau:

Company would like to explain the fluctuation in profit after corporate income tax (“CIT”) of this year's reporting period by more than 10% compared to the previous year's reporting period as follows:





ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu <i>Criteria</i>	Quý 1/2025 <i>1st quarter of 2025</i> (VNĐ)	Quý 1/2024 <i>1st quarter of 2024</i> (VNĐ)	Tăng/ giảm <i>Increase/ decrease</i>	Tỷ lệ (%) <i>Rate (%)</i>
(1)	(2)	(3)	(4) = (2) - (3)	(5) = (4) / (3)
Lợi nhuận sau thuế TNDN <i>Profit after CIT</i>	10.968.434.787	365.135.603	10.603.299.184	2.903,93%

Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 1 năm 2025 có kết quả lãi và tăng hơn 10 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024, chủ yếu do doanh thu cho thuê văn phòng Quý 1 năm nay tăng cao so với cùng kỳ năm trước. Quý 1 năm nay ghi nhận doanh thu cho thuê Tòa nhà văn phòng Fideco tại số 28 Phùng Khắc Khoan- Quận 1, trong khi năm trước là đang xây dựng. Và các vị trí cho thuê khác cũng đều có doanh thu tốt hơn so với cùng kỳ năm trước.

Profit after CIT in the 1st quarter of 2025 is profitable and increases by more than VND 10 billion over the same period in 2024, mainly due to in the fact that office rental revenue in the first quarter of this year increased compared to the same period last year. The first quarter of this year recorded rental revenue of Fideco Office Building at No. 28 Phung Khac Khoan - District 1 (under construction in the same period in previous year). And other rental locations also have better revenue than the same period last year.

Trân trọng/ *Sincerely,*

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDECO
FIDECO JOINT STOCK COMPANY

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR



HỒ ANH TUẤN